### SỞ Y TẾ HÀ TĨNH

### BÁO CÁO TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN 6 THÁNG 2018

(ÁP DỤNG CHO CÁC BỆNH VIỆN TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ)

Bệnh viện: BỆNH VIỆN ĐA KHOA THÀNH PHỐ HÀ TĨNH

Địa chỉ chi tiết: Đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Thạch Quý, thành phố Hà Tĩnh, Hà Tĩnh

Số giấy phép hoạt động:109/SYT-GPHĐ Ngày cấp: 07/4/2014

Tuyến trực thuộc: 3.Quận/Huyện

Cơ quan chủ quản: SỞ Y TẾ HÀ TĨNH

Hạng bệnh viện: Hạng II

Loại bệnh viện: Đa khoa

### TÓM TẮT KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN

1. TỔNG SỐ CÁC TIÊU CHÍ ĐƯỢC ÁP DỤNG ĐÁNH GIÁ: 83/83 TIÊU CHÍ

2. TỶ LỆ TIÊU CHÍ ÁP DỤNG SO VỚI 83 TIÊU CHÍ: 100%

3. TỔNG SỐ ĐIỂM CỦA CÁC TIÊU CHÍ ÁP DỤNG: 274 (Có hệ số: 293)

4. ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG CỦA CÁC TIÊU CHÍ: 3.26

*(Tiêu chí C3 và C5 có hệ số 2)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| KẾT QUẢ CHUNG CHIA THEO MỨC | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 | Mức 4 | Mức 5 | Tổng số tiêu chí |
| 5. SỐ LƯỢNG TIÊU CHÍ ĐẠT: | 0 | 9 | 43 | 28 | 3 | 83 |
| 6. % TIÊU CHÍ ĐẠT: | 0.00 | 10.84 | 51.81 | 33.73 | 3.61 | 83 |

*Ngày.........tháng..........năm.........*

|  |  |
| --- | --- |
| **NGƯỜI ĐIỀN THÔNG TIN** | **GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN  *(Đã ký)*** |
|  | **Trần Nguyên Phú** |

## BÁO CÁO TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN 6 THÁNG 2018

### I. KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG

| **Mã số** | **Chỉ tiêu** | **Bệnh viện tự đánh giá 6 THÁNG 2018** | **Đoàn KT đánh giá 6 THÁNG 2018** | **Chi tiết** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| A | PHẦN A. HƯỚNG ĐẾN NGƯỜI BỆNH (19) |  |  |  |
| A1 | A1. Chỉ dẫn, đón tiếp, hướng dẫn, cấp cứu người bệnh (6) |  |  |  |
| A1.1 | Người bệnh được chỉ dẫn rõ ràng, đón tiếp và hướng dẫn cụ thể | 4 | 0 |  |
| A1.2 | Người bệnh được chờ đợi trong phòng đầy đủ tiện nghi và được vận chuyển phù hợp với tình trạng bệnh tật | 4 | 0 |  |
| A1.3 | Bệnh viện tiến hành cải tiến quy trình khám bệnh, đáp ứng sự hài lòng người bệnh | 4 | 0 |  |
| A1.4 | Bệnh viện bảo đảm các điều kiện cấp cứu người bệnh kịp thời | 3 | 0 |  |
| A1.5 | Người bệnh được làm các thủ tục, khám bệnh, thanh toán... theo đúng thứ tự bảo đảm tính công bằng và mức ưu tiên | 4 | 0 |  |
| A1.6 | Người bệnh được hướng dẫn và bố trí làm xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng theo trình tự thuận tiện | 3 | 0 |  |
| A2 | A2. Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ người bệnh (5) |  |  |  |
| A2.1 | Người bệnh điều trị nội trú được nằm một người một giường | 4 | 0 |  |
| A2.2 | Người bệnh được sử dụng buồng vệ sinh sạch sẽ và đầy đủ các phương tiện | 4 | 0 |  |
| A2.3 | Người bệnh được cung cấp vật dụng cá nhân đầy đủ, sạch sẽ, chất lượng tốt | 5 | 0 |  |
| A2.4 | Người bệnh được hưởng các tiện nghi bảo đảm sức khỏe, nâng cao thể trạng và tâm lý | 3 | 0 |  |
| A2.5 | Người khuyết tật được tiếp cận với các khoa/phòng, phương tiện và dịch vụ khám, chữa bệnh trong bệnh viện | 5 | 0 |  |
| A3 | A3. Môi trường chăm sóc người bệnh (2) |  |  |  |
| A3.1 | Người bệnh được điều trị trong môi trường, cảnh quan xanh, sạch, đẹp | 4 | 0 |  |
| A3.2 | Người bệnh được khám và điều trị trong khoa/phòng gọn gàng, ngăn nắp | 4 | 0 |  |
| A4 | A4. Quyền và lợi ích của người bệnh (6) |  |  |  |
| A4.1 | Người bệnh được cung cấp thông tin và tham gia vào quá trình điều trị | 4 | 0 |  |
| A4.2 | Người bệnh được tôn trọng quyền riêng tư cá nhân | 3 | 0 |  |
| A4.3 | Người bệnh được nộp viện phí thuận tiện, công khai, minh bạch, chính xác | 4 | 0 |  |
| A4.4 | Người bệnh được hưởng lợi từ chủ trương xã hội hóa y tế | 4 | 0 |  |
| A4.5 | Người bệnh có ý kiến phàn nàn, thắc mắc hoặc khen ngợi được bệnh viện tiếp nhận, phản hồi, giải quyết kịp thời | 3 | 0 |  |
| A4.6 | Bệnh viện thực hiện khảo sát, đánh giá sự hài lòng người bệnh và tiến hành các biện pháp can thiệp | 3 | 0 |  |
| B | PHẦN B. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC BỆNH VIỆN (14) |  |  |  |
| B1 | B1. Số lượng và cơ cấu nhân lực bệnh viện (3) |  |  |  |
| B1.1 | Xây dựng kế hoạch phát triển nhân lực bệnh viện | 3 | 0 |  |
| B1.2 | Bảo đảm và duy trì ổn định số lượng nhân lực bệnh viện | 3 | 0 |  |
| B1.3 | Bảo đảm cơ cấu chức danh nghề nghiệp của nhân lực bệnh viện | 3 | 0 |  |
| B2 | B2. Chất lượng nguồn nhân lực (3) |  |  |  |
| B2.1 | Nhân viên y tế được đào tạo và phát triển kỹ năng nghề nghiệp | 3 | 0 |  |
| B2.2 | Nhân viên y tế được nâng cao kỹ năng ứng xử, giao tiếp, y đức | 4 | 0 |  |
| B2.3 | Bệnh viện duy trì và phát triển bền vững chất lượng nguồn nhân lực | 4 | 0 |  |
| B3 | B3. Chế độ đãi ngộ và điều kiện, môi trường làm việc (4) |  |  |  |
| B3.1 | Bảo đảm chính sách tiền lương, chế độ đãi ngộ của nhân viên y tế | 3 | 0 |  |
| B3.2 | Bảo đảm điều kiện làm việc, vệ sinh lao động và nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên y tế | 2 | 0 |  |
| B3.3 | Sức khỏe, đời sống tinh thần của nhân viên y tế được quan tâm và cải thiện | 5 | 0 |  |
| B3.4 | Tạo dựng môi trường làm việc tích cực cho nhân viên y tế | 4 | 0 |  |
| B4 | B4. Lãnh đạo bệnh viện (4) |  |  |  |
| B4.1 | Xây dựng kế hoạch, quy hoạch, chiến lược phát triển bệnh viện và công bố công khai | 3 | 0 |  |
| B4.2 | Triển khai văn bản của các cấp quản lý | 3 | 0 |  |
| B4.3 | Bảo đảm chất lượng nguồn nhân lực quản lý bệnh viện | 3 | 0 |  |
| B4.4 | Bồi dưỡng, phát triển đội ngũ lãnh đạo và quản lý kế cận | 3 | 0 |  |
| C | PHẦN C. HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN (35) |  |  |  |
| C1 | C1. An ninh, trật tự và an toàn cháy nổ (2) |  |  |  |
| C1.1 | Bảo đảm an ninh, trật tự bệnh viện | 3 | 0 |  |
| C1.2 | Bảo đảm an toàn điện và phòng chống cháy nổ | 3 | 0 |  |
| C2 | C2. Quản lý hồ sơ bệnh án (2) |  |  |  |
| C2.1 | Hồ sơ bệnh án được lập đầy đủ, chính xác, khoa học | 3 | 0 |  |
| C2.2 | Hồ sơ bệnh án được quản lý chặt chẽ, đầy đủ, khoa học | 4 | 0 |  |
| C3 | C3. Ứng dụng công nghệ thông tin (2) (điểm x2) |  |  |  |
| C3.1 | Quản lý tốt cơ sở dữ liệu và thông tin y tế | 3 | 0 |  |
| C3.2 | Thực hiện các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động chuyên môn | 3 | 0 |  |
| C4 | C4. Phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn (6) |  |  |  |
| C4.1 | Thiết lập và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nhiễm khuẩn | 3 | 0 |  |
| C4.2 | Xây dựng và hướng dẫn nhân viên y tế thực hiện các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện | 4 | 0 |  |
| C4.3 | Triển khai chương trình và giám sát tuân thủ rửa tay | 3 | 0 |  |
| C4.4 | Đánh giá, giám sát và triển khai kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện | 3 | 0 |  |
| C4.5 | Chất thải rắn bệnh viện được quản lý chặt chẽ, xử lý an toàn và tuân thủ theo đúng quy định | 4 | 0 |  |
| C4.6 | Chất thải lỏng bệnh viện được quản lý chặt chẽ, xử lý an toàn và tuân thủ theo đúng quy định | 3 | 0 |  |
| C5 | C5. Năng lực thực hiện kỹ thuật chuyên môn (5) (điểm x2) |  |  |  |
| C5.1 | Thực hiện danh mục kỹ thuật theo phân tuyến kỹ thuật | 3 | 0 |  |
| C5.2 | Nghiên cứu và triển khai áp dụng các kỹ thuật mới, phương pháp mới | 2 | 0 |  |
| C5.3 | Áp dụng các hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh và triển khai các biện pháp giám sát chất lượng | 2 | 0 |  |
| C5.4 | Xây dựng các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị | 3 | 0 |  |
| C5.5 | Áp dụng các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị đã ban hành và giám sát việc thực hiện | 3 | 0 |  |
| C6 | C6. Hoạt động điều dưỡng và chăm sóc người bệnh (3) |  |  |  |
| C6.1 | Hệ thống điều dưỡng trưởng được thiết lập và hoạt động hiệu quả | 2 | 0 |  |
| C6.2 | Người bệnh được điều dưỡng hướng dẫn, tư vấn điều trị và chăm sóc, giáo dục sức khỏe phù hợp với bệnh đang được điều trị | 3 | 0 |  |
| C6.3 | Người bệnh được chăm sóc vệ sinh cá nhân trong quá trình điều trị tại bệnh viện | 4 | 0 |  |
| C7 | C7. Năng lực thực hiện chăm sóc dinh dưỡng và tiết chế (5) |  |  |  |
| C7.1 | Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức để thực hiện công tác dinh dưỡng và tiết chế trong bệnh viện | 2 | 0 |  |
| C7.2 | Bệnh viện bảo đảm cơ sở vật chất để thực hiện công tác dinh dưỡng và tiết chế trong bệnh viện | 3 | 0 |  |
| C7.3 | Người bệnh được đánh giá, theo dõi tình trạng dinh dưỡng trong thời gian nằm viện | 3 | 0 |  |
| C7.4 | Người bệnh được hướng dẫn, tư vấn chế độ ăn phù hợp với bệnh lý | 4 | 0 |  |
| C7.5 | Người bệnh được cung cấp chế độ dinh dưỡng phù hợp với bệnh lý trong thời gian nằm viện | 2 | 0 |  |
| C8 | C8. Chất lượng xét nghiệm (2) |  |  |  |
| C8.1 | Bảo đảm năng lực thực hiện các xét nghiệm huyết học, hóa sinh, vi sinh và giải phẫu bệnh | 3 | 0 |  |
| C8.2 | Bảo đảm chất lượng các xét nghiệm | 3 | 0 |  |
| C9 | C9. Quản lý cung ứng và sử dụng thuốc (6) |  |  |  |
| C9.1 | Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức hoạt động dược | 4 | 0 |  |
| C9.2 | Bảo đảm cơ sở vật chất khoa Dược | 3 | 0 |  |
| C9.3 | Cung ứng thuốc và vật tư y tế tiêu hao đầy đủ, kịp thời, bảo đảm chất lượng | 4 | 0 |  |
| C9.4 | Sử dụng thuốc an toàn, hợp lý | 4 | 0 |  |
| C9.5 | Thông tin thuốc, theo dõi báo cáo phản ứng có hại của thuốc (ADR) kịp thời, đầy đủ và có chất lượng | 4 | 0 |  |
| C9.6 | Hội đồng thuốc và điều trị được thiết lập và hoạt động hiệu quả | 4 | 0 |  |
| C10 | C10. Nghiên cứu khoa học (2) |  |  |  |
| C10.1 | Tích cực triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học | 3 | 0 |  |
| C10.2 | Áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học trong hoạt động bệnh viện và các giải pháp nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh | 3 | 0 |  |
| D | PHẦN D. HOẠT ĐỘNG CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG (11) |  |  |  |
| D1 | D1. Thiết lập hệ thống và cải tiến chất lượng (3) |  |  |  |
| D1.1 | Thiết lập hệ thống quản lý chất lượng bệnh viện | 3 | 0 |  |
| D1.2 | Xây dựng và triển khai kế hoạch, đề án cải tiến chất lượng bệnh viện | 3 | 0 |  |
| D1.3 | Xây dựng văn hóa chất lượng | 3 | 0 |  |
| D2 | D2. Phòng ngừa các sự cố khắc phục (5) |  |  |  |
| D2.1 | Phòng ngừa nguy cơ, diễn biến bất thường xảy ra với người bệnh | 3 | 0 |  |
| D2.2 | Xây dựng hệ thống báo cáo, phân tích sự cố y khoa và tiến hành các giải pháp khắc phục | 4 | 0 |  |
| D2.3 | Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để giảm thiểu các sự cố y khoa | 3 | 0 |  |
| D2.4 | Bảo đảm xác định chính xác người bệnh khi cung cấp dịch vụ | 3 | 0 |  |
| D2.5 | Phòng ngừa nguy cơ người bệnh bị trượt ngã | 2 | 0 |  |
| D3 | D3. Đánh giá, đo lường, hợp tác và cải tiến chất lượng (3) |  |  |  |
| D3.1 | Đánh giá chính xác thực trạng và công bố công khai chất lượng bệnh viện | 3 | 0 |  |
| D3.2 | Đo lường và giám sát cải tiến chất lượng bệnh viện | 3 | 0 |  |
| D3.3 | Hợp tác với cơ quan quản lý trong việc xây dựng công cụ, triển khai, báo cáo hoạt động quản lý chất lượng bệnh viện | 4 | 0 |  |
| E | PHẦN E. TIÊU CHÍ ĐẶC THÙ CHUYÊN KHOA |  |  |  |
| E1 | E1. Tiêu chí sản khoa, nhi khoa (áp dụng cho bệnh viện đa khoa có khoa Sản, Nhi và bệnh viện chuyên khoa Sản, Nhi) (4) |  |  |  |
| E1.1 | Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức chăm sóc sản khoa và sơ sinh | 2 | 0 |  |
| E1.2 | Bệnh viện thực hiện tốt hoạt động truyền thông sức khỏe sinh sản trước sinh, trong khi sinh và sau sinh | 4 | 0 |  |
| E1.3 | Bệnh viện tuyên truyền, tập huấn và thực hành tốt nuôi con bằng sữa mẹ theo hướng dẫn của Bộ Y tế và UNICEF | 4 | 0 |  |
| E2.1 | Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức chăm sóc nhi khoa | 2 | 0 |  |

### II. BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUNG

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| KẾT QUẢ CHUNG CHIA THEO MỨC | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 | Mức 4 | Mức 5 | Điểm TB | Số TC áp dụng |
| PHẦN A. HƯỚNG ĐẾN NGƯỜI BỆNH (19) | 0 | 0 | 6 | 11 | 2 | 3.79 | 19 |
| A1. Chỉ dẫn, đón tiếp, hướng dẫn, cấp cứu người bệnh (6) | 0 | 0 | 2 | 4 | 0 | 3.67 | 6 |
| A2. Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ người bệnh (5) | 0 | 0 | 1 | 2 | 2 | 4.20 | 5 |
| A3. Môi trường chăm sóc người bệnh (2) | 0 | 0 | 0 | 2 | 0 | 4.00 | 2 |
| A4. Quyền và lợi ích của người bệnh (6) | 0 | 0 | 3 | 3 | 0 | 3.50 | 6 |
| PHẦN B. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC BỆNH VIỆN (14) | 0 | 1 | 9 | 3 | 1 | 3.29 | 14 |
| B1. Số lượng và cơ cấu nhân lực bệnh viện (3) | 0 | 0 | 3 | 0 | 0 | 3.00 | 3 |
| B2. Chất lượng nguồn nhân lực (3) | 0 | 0 | 1 | 2 | 0 | 3.67 | 3 |
| B3. Chế độ đãi ngộ và điều kiện, môi trường làm việc (4) | 0 | 1 | 1 | 1 | 1 | 3.50 | 4 |
| B4. Lãnh đạo bệnh viện (4) | 0 | 0 | 4 | 0 | 0 | 3.00 | 4 |
| PHẦN C. HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN (35) | 0 | 5 | 20 | 10 | 0 | 3.14 | 35 |
| C1. An ninh, trật tự và an toàn cháy nổ (2) | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 | 3.00 | 2 |
| C2. Quản lý hồ sơ bệnh án (2) | 0 | 0 | 1 | 1 | 0 | 3.50 | 2 |
| C3. Ứng dụng công nghệ thông tin (2) (điểm x2) | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 | 3.00 | 2 |
| C4. Phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn (6) | 0 | 0 | 4 | 2 | 0 | 3.33 | 6 |
| C5. Năng lực thực hiện kỹ thuật chuyên môn (5) (điểm x2) | 0 | 2 | 3 | 0 | 0 | 2.60 | 5 |
| C6. Hoạt động điều dưỡng và chăm sóc người bệnh (3) | 0 | 1 | 1 | 1 | 0 | 3.00 | 3 |
| C7. Năng lực thực hiện chăm sóc dinh dưỡng và tiết chế (5) | 0 | 2 | 2 | 1 | 0 | 2.80 | 5 |
| C8. Chất lượng xét nghiệm (2) | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 | 3.00 | 2 |
| C9. Quản lý cung ứng và sử dụng thuốc (6) | 0 | 0 | 1 | 5 | 0 | 3.83 | 6 |
| C10. Nghiên cứu khoa học (2) | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 | 3.00 | 2 |
| PHẦN D. HOẠT ĐỘNG CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG (11) | 0 | 1 | 8 | 2 | 0 | 3.09 | 11 |
| D1. Thiết lập hệ thống và cải tiến chất lượng (3) | 0 | 0 | 3 | 0 | 0 | 3.00 | 3 |
| D2. Phòng ngừa các sự cố khắc phục (5) | 0 | 1 | 3 | 1 | 0 | 3.00 | 5 |
| D3. Đánh giá, đo lường, hợp tác và cải tiến chất lượng (3) | 0 | 0 | 2 | 1 | 0 | 3.33 | 3 |
| PHẦN E. TIÊU CHÍ ĐẶC THÙ CHUYÊN KHOA | 0 | 2 | 0 | 2 | 0 | 3.00 | 4 |
| E1. Tiêu chí sản khoa, nhi khoa (áp dụng cho bệnh viện đa khoa có khoa Sản, Nhi và bệnh viện chuyên khoa Sản, Nhi) (4) | 0 | 1 | 0 | 2 | 0 | 3.33 | 3 |

### III. TÓM TẮT CÔNG VIỆC TỰ KIỂM TRA BỆNH VIỆN

Bệnh viện đã xây dựng kế hoạch tự kiểm tra đánh giá và tiến hành tự kiểm tra đánh giá chất lượng 6 tháng đầu năm 2018 theo kế hoạch đã đề ra. Bệnh viện thành lập đoàn tự kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện 6 tháng đầu năm 2018, đã tiến hành tự kiểm tra, đánh giá vào ngày 17/08/2018 từ 8h-17h30, tiến hành rà soát đánh giá 83/83 tiêu chí theo Bộ tiêu chí chất lượng Bệnh viện phiên bản 2.0.

### IV. BIỂU ĐỒ CÁC KHÍA CẠNH CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN

###  a. Biểu đồ chung cho 5 phần (từ phần A đến phần E)[No canvas support]

###  b. Biểu đồ riêng cho phần A (từ A1 đến A4)[No canvas support]

###  c. Biểu đồ riêng cho phần B (từ B1 đến B4)[No canvas support]

###  d. Biểu đồ riêng cho phần C (từ C1 đến C10)[No canvas support]

###  e. Biểu đồ riêng cho phần D (từ D1 đến D3)[No canvas support]

|  |
| --- |
| V. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC ƯU ĐIỂM CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN |
| Là bệnh viện hạng III nhưng bệnh viện mới xây dựng nên cơ sở vật chất đáp ứng rất tốt với các tiêu chí đạt ở mức cao, bệnh viện đã triển khai được nhiều chuyên môn kỹ thuật cao, trang thiết bị và cận lâm sàng hiện đại đáp ứng được với bệnh viện hạng III. Hiện tại Bệnh viện đang  Có đội ngũ cán bộ có y đức tốt và đầy nhiệt huyết với công việc, có tinh thần đoàn kết cao. Khuôn viên, khoa phòng rộng rãi, sạch sẽ, gọn gàng. Có chuyên gia nước ngoài về làm việc tại bệnh viện, thường xuyên có các bác sỹ giỏi tuyến trung ương về hỗ trợ chuyển giao chuyên môn kỹ thuật tại bệnh viện. Đó là một trong những tiềm lực tạo điều kiện thuận lợi cho bệnh viện phát triển. |
| VI. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC NHƯỢC ĐIỂM, VẤN ĐỀ TỒN TẠI |
| Số lượng bác sĩ còn thiếu nhiều, trình độ chuyên môn chưa đồng đều, thiếu bác sĩ được đào tạo chuyên sâu, chuyên khoa, một số chuyên khoa mới chỉ có 1 bác sĩ, hệ thống điều dưỡng và kỹ thuật viên chưa được đào tạo chuyên biệt cho nên chưa đủ nhân lực để tách các chuyên khoa theo quy định do đó chưa sử dụng hết công suất của cơ sở vật chất. Hệ thống phần mềm quản lý thông tin bệnh viện đã triển khai mới thay thế hệ thống cũ nhưng chưa hoàn chỉnh và chưa đáp ứng được hoàn toàn nhu cầu của bệnh viện. Điều dưỡng chuyên khoa Nhi đào tạo chưa được đầy đủ. Do thông tuyến nên số lượng người bệnh đổ về khám tại bệnh viện quá đông |
| VII. XÁC ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ ƯU TIÊN CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG |
| Tiếp tục thu hút và đào tạo nhân lực đại học và sau đại học đặc biệt là đội ngũ bác sĩ, kỹ thuật viên nhất là bác sĩ chuyên sâu và kỹ thuật viên chuyên nghiệp. Triển khai tách các khoa phòng, bộ phận và các chuyên khoa theo quy định, nhất là thành lập Khoa chống nhiễm khuẩn, Khoa truyền nhiễm, Tiết chế dinh dưỡng, Khoa xét nghiệm và một số chuyên khoa mũi nhọn khác. Đưa bệnh viện lên bệnh viện hạng II,  Tiếp tục đào tạo, chuyển giao kỹ thuật tại chỗ bằng phương pháp liên kết với các bệnh viện tuyến trên và chuyên gia nước ngoài. Phấn đầu không có tiêu chí nào nằm ở mức 1 |
| VIII. GIẢI PHÁP, LỘ TRÌNH, THỜI GIAN CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG |
| - Bệnh viện cần tiếp tục đầu tư nguồn lực để cải tiến chất lượng bệnh viện, phát triển các dịch vụ kỹ thuật mới, kỹ thuật theo phân tuyến và vượt tuyến để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao nhu cầu chữa bệnh và sự hài lòng của nhân dân.;  -Triển khai các giải pháp để cải tiến chất lượng xét nghiệm; cải tiến các chỉ số thuộc tiêu chí dinh dưỡng tiết chế và điều kiện phục vụ người bệnh -Tiếp tục xây dựng và cập nhật các quy định chuyên môn, quy trình kỹ thuật khám chữa bệnh, hướng dẫn chẩn đoán - điều trị, hướng dẫn chăm sóc theo dõi; tư vấn – giáo dục sức khỏe.  Chú trọng công tác chuyên môn, chất lượng công tác khám chữa bệnh, giáo dục nâng cao thái độ y đức trong cán bộ bệnh viện. Thu hút và đào tạo nhân lực đại học và sau đại học đặc biệt là đội ngũ bác sĩ nhất là bác sĩ chuyên sâu phấn đấu 6 tháng cuối năm 2018 sẽ đảm bảo đầy đủ các khoa phòng theo quy định. Phấn đấu trở thành Bệnh viện hạng II trong 6 tháng cuối năm Hoàn thiện một số cơ sở vật chất để đưa vào hoạt động Chú trọng xây dựng, triển khai cải tiến chất lượng bệnh viện, phấn đấu đến cuối 2018 sẽ đạt từ mức 3 trở lên các tiêu chí. |
| IX. KẾT LUẬN, CAM KẾT CỦA BỆNH VIỆN CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG |
| - Bệnh viện cần tiếp tục phát huy những thành tích đã đạt được, khắc phục các tồn tại, hạn chế đã nêu. Tăng cường khối đoàn kết, thống nhất trong đơn vị, duy trì cơ sở y tế xanh - sạch - đẹp - an toàn. - Rà soát, bổ sung và triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển dịch vụ kỹ thuật đến 2020; có giải pháp cụ thể phát triển các dịch vụ kỹ thuật mới, kỹ thuật vượt tuyến.  Xếp loại bệnh viện hiện tại: đạt bệnh viện chất lượng trung bình.  Cam kết 6 tháng cuôi năm 2018 sẽ đạt bệnh viện chất lượng khá trở lên |

***Ngày.........tháng..........năm.........***

|  |  |
| --- | --- |
| NGƯỜI ĐIỀN THÔNG TIN *(ký tên)* | GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN  *(ký tên và đóng dấu)* |